

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 11 - 2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi

Ông Vũ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang -Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Bị đơn: Chị Dương Thị Tr, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lưu Quang H, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hoàn C - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn anh Dương Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với chị Dương Thị Tr, sinh năm 1992, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, ngày 02/12/2015. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng tôi sống hòa thuận được một thời gian rất ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mặc dù cùng sống chung trong gia đình nhưng hai vợ chồng tôi ly thân nhau đã lâu, việc ai người đẩy làm. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm thương yêu nhau nữa và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Dương Thị Tr.

- Về con chung: Có 01 con là Dương Ngọc M, sinh ngày 08/01/2016, tôi đề nghị được quyền nuôi con và không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T khẳng định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh T khẳng định vợ chồng không có .

Bị đơn chị Dương Thị Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung đăng ký kết hôn tự nguyện mà anh T trình bày nêu trên là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống, nhưng không sinh hoạt vợ chồng, nguyên nhân là do chồng tôi không có tình cảm với tôi mà có người thứ ba. Từ khi tôi sinh con anh T không quan tâm đến con cũng như không phụ cùng tôi kinh phí nuôi con. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T làm đơn khởi kiện xin ly hôn tôi ra Tòa án, tôi nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con là Dương Ngọc M, sinh ngày 08/01/2016, tôi đề nghị được quyền nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Tr khẳng định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa

án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị Tr khẳng định vợ chồng không có.

Về điều kiện để nuôi dưỡng cháu M, quá trình hòa giải và tại phiên tòa:

- *Anh T trình bày:* Hiện nay tôi đang làm cán bộ Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, hiện đang mang quân hàm trung úy, mức lương hiện nay tôi thực lĩnh 9.500.000đ, hệ số lương là 4,60 nhân với mức lương cơ sở và các phụ cấp khác. Ngoài ra hiện nay tôi có chỗ ở ổn định, tôi đang ở tại tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P; hiện tại cháu Minh đang học tại Trường mầm non tại thị trấn H, trường học gần nhà, chỉ cách nhà khoảng 100m, Cơ quan tôi cách nhà khoảng 200m. Buổi sáng tôi dậy cho cháu ăn và đưa cháu đi học xong đi làm luôn, bên cạnh đó bố mẹ đẻ ở cùng tôi có kinh doanh (karaoke và nước giải khát) có mức thu nhập ổn định. Chị Tr yêu cầu được nuôi con tôi không đồng ý, vì ở tại gia đình chị Tr ít tiếp xúc với mọi người trong gia đình, không muốn cho cháu giao tiếp với ông bà nội. Như vậy, tôi thấy sẽ ảnh hưởng tới tâm sinh lý của cháu đang phát triển.

- *Chị Tr trình bày:* Hiện tại tôi đang công tác tại Bệnh viện Đa khoa huyện P, tỉnh Thái Nguyên, làm việc tại bộ phận hành chính, tôi xếp lương theo ngạch bậc cao đẳng, hiện tôi không nhớ rõ bậc lương hiện hưởng, lương thực lĩnh là 4.297.160đ, khoản thu nhập tăng thêm tháng 6/2019 là 2.866.872đồng (có xác nhận mức lương cho Tòa án). Hiện tại tôi đang ở nhà ngoại, chồng không cho tôi đem con theo nên con trai hiện đang sống cùng bố và ông bà nội. Cháu đã đi trẻ được hai năm nay. Trước đây, cháu đi học Trường mầm non thị trấn H tại cơ sở 2, bắt đầu hè vừa rồi cháu được gửi tại nhà cô giáo tại thị trấn H. Nay tôi đang sống cùng bố mẹ đẻ tôi tại xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Tôi có nguyện vọng nuôi con, vì nhà bố mẹ đẻ tôi cũng gần Trường mầm non, tôi là người mẹ dứt ruột đẻ con ra, đêm nào tôi cũng ngủ cùng con, tôi không nỡ xa con nên tôi không nhất trí để anh T nuôi con. Đặc thù công việc của anh T là Công an phải trực đêm từ hai đến ba tối một tuần nên không có thời gian chăm con, con tôi hiện nay mới được hơn ba tuổi nên tôi nuôi con sẽ có đủ điều kiện hơn. Hàng ngày tôi sẽ đưa đón con đi học, tôi làm hành chính, sáng từ 7 giờ 30 phút theo giờ hành chính nhà nước quy định, ngoài ra tôi không phải làm ca kíp hay trực đêm gì.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lưu Quang H trình bày:* Trước hết tôi có mong muốn là mong Tòa án hòa giải để hai bên về đoàn tụ. Còn nếu hai bên cương quyết xin ly hôn thì về vấn đề nuôi con sẽ giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu. Theo như hiện tại thì chị Tr có

công việc ổn định, ngoài ra còn có thu nhập là làm thêm. Ngoài ra hiện nay cháu mới có 42 tháng tuổi do đó giao con cho người mẹ là tạo điều kiện tốt nhất cho cháu. Về chỗ ở hai bên về cơ bản là giống nhau vì hiện nay hai bên đều đang ở cùng với bố mẹ. Xét về một số điều kiện khác thì anh T làm công an còn phải trực đêm sẽ không đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho cháu.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày bản luận cứ:

Thứ nhất, về quan hệ vợ chồng, vì cả chị Tr và anh T đều đồng ý ly hôn nên tôi đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của họ.

Thứ hai, về con chung: Anh T, chị Tr có một con trai chung là cháu Dương Ngọc M, sinh ngày 08/01/2016. Tôi đề nghị HĐXX chấp thuận cho chị Tr được nuôi con, vì những lý do sau:

- Xét về thời gian thì chị Tr làm việc theo giờ hành chính và không phải trực ca đêm, trong khi đó anh T thường xuyên phải trực đêm. Vì thế, chị Tr sẽ có thời gian dành cho con hơn anh T.

- Về môi trường sinh sống thì chị Tr ở cùng với bố mẹ đẻ, nhà chỉ để ở trong khi đó anh T ở với gia đình trên một thửa đất vừa để ở vừa để kinh doanh karaoke. Môi trường kinh doanh sẽ ảnh hưởng không tốt tới một đứa trẻ hơn 03 tuổi.

- Theo chị Tr thì anh T có nói với chị Tr là anh T đã học ôn thi và sẽ học liên thông từ trung cấp lên đại học tại Học viện cảnh sát nhân dân ở Hà Nội, nếu anh T đi học thì sẽ phải trọ trên Hà Nội. Vậy ai sẽ là người chăm sóc cháu M nếu cháu M ở với anh T.

- Tuổi cháu M còn nhỏ nên ở với mẹ hợp lý hơn với bố.

Vì những lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX giao cháu Dương Ngọc M cho chị Dương Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Thứ 3, về tài sản chung, chị Tr và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thứ 4, về công nợ chung, chị Tr và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn anh T trình bày: Về việc đi học của tôi theo người bảo vệ cho chị Tr trình bày là không đúng, tôi chỉ đi tập huấn bồi dưỡng; về nuôi con nhỏ tôi sẽ không phải trực ca đêm, cơ quan cách nhà tôi khoảng 200m, nhà ở của tôi và quán kinh doanh của gia đình nằm trên hai thửa đất khác nhau và khu vực kinh doanh cách

xa nhà ở không ảnh hưởng gì đến sự phát triển của cháu, việc người bảo vệ quyền lợi cho chị Tr trình bày là không có căn cứ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lưu Quang H trình bày: Về hai thửa đất ở và đất kinh doanh karaoke là gần nhau, việc anh T đi học chúng tôi đã đến Công an huyện P xác minh thì được trả lời là nội dung liên quan đến điều lệ Công an nhân dân là “mật” không cung cấp được. Đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, mục đích đoàn tụ gia đình cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con trưởng thành. Nhưng anh T và chị Tr vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, còn về nuôi con chung anh T và chị Tr không thỏa thuận được với nhau. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn chị Dương Thị Tr có địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn T và chị Dương Thị Tr có đăng ký kết hôn tự nguyện tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo anh T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với bố mẹ tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nguyên nhân mẫu do: Vợ chồng sống không có tình cảm với nhau, cả hai bên không có biện pháp khắc phục, giải quyết mâu thuẫn, anh T và chị Tr đã sống ly thân nhau một thời gian dài. Tòa án đã kiên trì hoà giải nhưng các bên chỉ thỏa thuận được việc ly hôn, còn về nuôi con chung các bên đương sự không thỏa thuận được. Như vậy, quan hệ hôn nhân đã lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Văn T và chị Dương Thị Tr là phù hợp.

2.2 Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Do anh T và chị Tr đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Dương Ngọc M, quá trình giải quyết vụ án các bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng cần xem xét về điều kiện làm việc, thu nhập, nơi ở và các yếu tố khác để việc giao cháu M cho người có điều kiện tốt nhất chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để cháu phát triển về mọi mặt.

Xét về các điều kiện: anh T và chị Tr, Hội đồng xét xử thấy anh T và chị Tr đều là cán bộ, viên chức nhà nước. Mức thu nhập từ lương của anh T hiện nay là 9.500.000đồng, có nơi ở rõ ràng, ngoài thu nhập từ lương thì gia đình anh còn làm kinh doanh karaoke và bán hàng giải khát. Mức thu nhập từ lương của chị Tr hiện nay theo trình bày của chị là hơn 4.297.160đ, khoản thu nhập tăng thêm tháng 6/2019 2.866.872đồng, có nơi ở rõ ràng.

Tuy nhiên, về điều kiện thực tế: Hiện nay cháu M đang ở cùng với anh T và học tại Trường Mầm non H, để việc học tập, sinh hoạt của cháu M được ổn định là rất cần thiết cho sự phát triển về mọi mặt như chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu M cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, anh T không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên không xem xét. Sau khi ly hôn anh T vẫn có quyền yêu cầu chị Tr về mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

- Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn chị Tr là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Tr có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3 Về Tài sản chung: Anh T, chị Tr đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4 Về công nợ chung: Anh T, chị Tr đều xác định không có.

[3] Xét thấy việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày nội dung bản luận cứ và đề nghị với HĐXX: Về quan hệ hôn nhân, công nhận sự

thuận tình ly hôn của họ; về tài sản chung và công nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ chấp nhận. Còn về đề nghị nuôi con chung và những đề nghị khác là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn anh Dương Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước;

[5] Thông báo về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 61, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Văn T và chị Dương Thị Tr.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho anh Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Ngọc M, sinh ngày 08/01/2016 cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Văn T không yêu cầu chị Dương Thị Tr phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Sau khi ly hôn anh

Dương Văn T có quyền yêu cầu đối với chị Dương Thị Tr về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn chị Dương Thị Tr không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Dương Thị Tr có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

5. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Dương Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật. Anh Dương Văn T đề nghị được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000851 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND TT.Hương Sơn;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung

